

QUÁ TRÌNH NHẬN THỨC VÀ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH XÃ HỘI CỦA ĐẢNG TA TỪ ĐỔI MỚI ĐẾN NAY

ThS. Phạm Thị Hằng¹

ThS. Nguyễn Hải Dương²

TÓM TẮT

Trong sự nghiệp đổi mới đất nước do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo, cùng với đổi mới tư duy về kinh tế, Đảng từng bước đổi mới việc thực hiện chính sách xã hội với chủ trương tăng trưởng kinh tế gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội. Hệ thống các chính sách xã hội không ngừng được bổ sung, hoàn thiện; đối tượng hưởng chính sách được mở rộng, mức hỗ trợ được nâng lên, đầu tư của Nhà nước ngày càng tăng. Do đó, các lĩnh vực xã hội đã đạt được những thành tựu quan trọng, nhất là tạo việc làm, giảm nghèo, ưu đãi người có công, giáo dục và đào tạo... Trong bài viết này, tác giả tập trung làm rõ quá trình nhận thức của Đảng về chính sách xã hội từ đổi mới đến nay, trên cơ sở đó làm rõ những kết quả đã đạt được và đề xuất một số giải pháp để tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác chính sách xã hội trong điều kiện hiện nay.

Từ khóa: Chính sách, chính sách xã hội, con người, nhận thức, an sinh xã hội.

ABSTRACT

In the renovation cause initiated and guided by the Communist Party of Vietnam, along with economic though reform, the Party has gradually implemented socio-economic policies with the aim to boosting economic developing attached to social advancements and equality. The national social policy system has been completed and more people are offered these policies. The assistance levels have been increased and the State's investment is also on the rise. Therefore, social areas have reached important achievements, particularly in poverty reduction, job creation and giving priorities to education and training sector and people who make contributions to the country's revolutions. In this article, the writer focuses on clarifying the Party's awareness process of social policies from the renovation time to date. Based on this, the writer mentions several gained achievements and also proposes solutions to raises quality and efficiencies of social policies in the current condition.

Keywords: Policies, social policies, human being, awareness and social security.

1. NHẬN THỨC CỦA ĐẢNG VỀ CSXH

Hơn 20 năm đổi mới vừa qua, trong quá trình lãnh đạo đất nước, Đảng ta đã không ngừng nâng cao nhận thức, tổ chức thực hiện ngày càng có hiệu quả các hệ

thống chính sách, trong đó có chính sách xã hội (CSXH), điều này đã góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân, bảo đảm an sinh xã hội (ASXH).

Tại Đại hội VI (1986) Đảng ta đã chỉ rõ: “Cần thể hiện đầy đủ trong thực tế quan

¹Báo Điện tử Dân trí, Hà Nội.

²Học viện An ninh Nhân dân, Hà Nội.

điểm của Đảng và Nhà nước về sự thống nhất giữa chính sách kinh tế và CSXH, khắc phục thái độ coi nhẹ CSXH tức là coi nhẹ yếu tố con người trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội”. Trên cơ sở khẳng định quan điểm lấy việc phục vụ con người là mục đích cao nhất trong mọi hoạt động của Đảng và Nhà nước, Đảng ta khẳng định: “CSXH bao trùm mọi mặt của cuộc sống con người: Điều kiện lao động và sinh hoạt, giáo dục và văn hóa, quan hệ gia đình, quan hệ giai cấp, quan hệ dân tộc... coi nhẹ CSXH tức là coi nhẹ yếu tố con người trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội”³. Đây là lần đầu tiên khái niệm CSXH được đề cập trong văn kiện với tư cách là một hệ thống nằm trong tổ hợp chính sách kinh tế - xã hội của quốc gia.

CSXH không tồn tại độc lập mà nó luôn gắn liền với chính sách kinh tế, Đảng xác định: “Trình độ phát triển kinh tế là điều kiện vật chất để thực hiện CSXH, nhưng những mục tiêu xã hội lại là mục đích của các hoạt động kinh tế”. Sau 5 năm đổi mới, thực hiện CSXH đã đạt được những tiến bộ nhất định, đời sống của một bộ phận nhân dân so với 5 năm trước ổn định hơn và nhiều mặt được cải thiện. Tuy nhiên, CSXH vẫn chưa được quan tâm đúng với tầm quan trọng của nó và còn nhiều thiếu sót nên đại bộ phận nhân dân, nhất là cán bộ công chức nhà nước vẫn còn gặp nhiều khó khăn.

Kế thừa và phát triển quan điểm của Đại hội VI, Đại hội Đảng lần thứ VII tiếp tục khẳng định vai trò của CSXH đối với phát triển kinh tế: “Coi phát triển kinh tế là cơ sở và tiền đề để thực hiện các CSXH, thực hiện tốt CSXH là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế”. Chính vì thế, “Cần huy động mọi khả năng của Nhà nước và của nhân dân,

Trung ương và địa phương để cùng nhau giải quyết những vấn đề của CSXH. Xây dựng các quỹ bảo hiểm xã hội (BHXH) của nhân dân trong tất cả các thành phần kinh tế; phát triển các hiệp hội từ thiện nhân đạo để phát huy truyền thống nhân ái tương trợ lẫn nhau của dân tộc ta, đồng thời hỗ trợ Nhà nước trong việc giải quyết những vấn đề xã hội”⁴. CSXH bảo đảm và không ngừng nâng cao đời sống vật chất của mọi thành viên trong xã hội về ăn, ở, đi lại, học tập, nghỉ ngơi, chữa bệnh và nâng cao thể chất... CSXH cũng nhằm xây dựng nền văn hóa mới, tạo ra đời sống tinh thần cao đẹp, phong phú và đa dạng, có nội dung nhân đạo, dân chủ, tiến bộ.

Trên cơ sở những nhận thức mới về phát triển xã hội được hình thành từ thực tiễn phát triển đất nước sau 10 năm đổi mới, Đại hội Đảng lần thứ VIII đề ra một hệ thống quan điểm: “Tăng cường kinh tế phải gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và trong suốt quá trình phát triển... Các vấn đề CSXH đều giải quyết theo tinh thần xã hội hóa. Nhà nước giữ vai trò nòng cốt đồng thời động viên mỗi người dân, các doanh nghiệp, các tổ chức trong xã hội, các cá nhân và tổ chức nước ngoài cùng tham gia giải quyết những vấn đề xã hội”⁵. Các quan điểm cơ bản nêu trên đã định hình tổng thể tư duy lý luận của Đảng về giải quyết các vấn đề xã hội trong thời kỳ đổi mới. Nó vừa thích ứng với nhu cầu tạo động lực cho sự phát triển bền vững, vừa hướng tới giá trị công bằng và tiến bộ xã hội.

Thực hiện quan điểm chỉ đạo của Đại hội VIII, các CSXH có sự đổi mới. Chính sách lao động và việc làm đã gắn kết với quá trình chuyển dịch cơ cấu nền kinh tế, phát triển sản xuất. Chính sách xóa đói giảm nghèo được đặc biệt coi trọng với việc hình thành Chương trình quốc gia

³Đảng Cộng sản Việt Nam. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI, Nxb Sự Thật, H.1987, tr.86.

⁴Đảng Cộng sản Việt Nam. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII, Nxb Sự Thật, H.1991, tr.144.

⁵Đảng Cộng sản Việt Nam. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII, Nxb CTQG, H. 1996, tr.113-114.

theo Quyết định 133 của Thủ tướng chính phủ (23-7-1998). Ưu đãi người có công được luật hóa bằng Pháp lệnh do Quốc hội ban lệnh với những chế độ trợ cấp ưu đãi đặc biệt. Bảo vệ và chăm sóc sức khỏe cho nhân dân được đảm bảo bằng mở rộng mạng lưới y tế đến cộng đồng dân cư, thực hiện chế độ bảo hiểm y tế (BHYT). Phòng và chống tệ nạn xã hội được đảm bảo bằng luật pháp; mở rộng các hoạt động đền ơn đáp nghĩa những người có công với nước, đảm bảo cho người có công và gia đình có mức sống bằng hoặc cao hơn mức trung bình của xã, phường nơi cư trú.

Đại hội Đảng lần thứ IX và các Hội nghị Trung ương Khóa IX đã cụ thể hóa và bổ sung các quan điểm về CSXH của Đại hội VIII, với những nội dung cơ bản: Giải quyết CSXH phải gắn liền với quá trình xây dựng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đặc biệt là “Phát triển thị trường lao động; Người lao động được tìm và tạo việc làm ở mọi nơi trong nước; Đẩy mạnh xuất khẩu lao động với sự tham gia của các thành phần kinh tế”¹². Trong giải quyết các CSXH, Nhà nước vừa là người điều tiết, vừa là nhà đầu tư. Coi trọng công bằng trong hưởng thụ các dịch vụ xã hội, đặc biệt là công bằng trong thụ hưởng dịch vụ giáo dục và chăm sóc y tế, với việc tạo cơ hội cho những đối tượng, những vùng còn khó khăn có cơ hội được chăm sóc tốt hơn. Xã hội hóa việc giải quyết các vấn đề xã hội, động viên toàn xã hội tham gia giải quyết các vấn đề xã hội. Đồng thời, “Thực hiện các CSXH hướng vào phát triển và lành mạnh hóa xã hội, thực hiện công bằng trong phân phối, tạo động lực mạnh mẽ phát triển sản xuất, tăng năng suất lao động xã hội, thực hiện bình đẳng trong các quan hệ xã hội, khuyến khích nhân dân làm giàu hợp pháp”⁶.

Đại hội Đảng lần thứ X của Đảng, trong khi khẳng định những thành tựu đạt được là cơ bản, đồng thời cũng chỉ rõ những hạn chế trong việc tổ chức thực hiện một số CSXH như: Kết quả xóa đói giảm nghèo chưa thật vững chắc, nguy cơ tái nghèo còn lớn; khoảng cách chênh lệch về thu nhập, mức sống giữa các tầng lớp nhân dân, giữa các vùng có xu hướng doãng ra; nhu cầu về việc làm ở thành thị và nông thôn chưa được đáp ứng tốt; tội phạm và tệ nạn xã hội có chiều hướng tăng... Để khắc phục tình trạng trên, Đảng ta chủ trương: “Kết hợp các mục tiêu kinh tế với các mục tiêu xã hội trong phạm vi cả nước, ở từng lĩnh vực, địa phương; thực hiện tiên bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển, thực hiện tốt các CSXH trên cơ sở phát triển kinh tế, gắn quyền lợi và nghĩa vụ, cống hiến và hưởng thụ, tạo động lực mạnh mẽ và bền vững hơn cho phát triển kinh tế - xã hội. Tập trung giải quyết những vấn đề xã hội bức xúc”. Đồng thời xác định rõ trách nhiệm: “Xây dựng hệ thống ASXH đa dạng; phát triển mạnh hệ thống BHXH, BHYT, tiến tới BHYT toàn dân. Đổi mới và hoàn thiện hệ thống y tế theo hướng công bằng, hiệu quả và phát triển, tạo cơ hội cho mọi người dân được bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe. Xây dựng chiến lược quốc gia về nâng cao sức khỏe, tầm vóc con người Việt Nam, tăng tuổi thọ và cải thiện chất lượng giống nòi. Thực hiện tốt các chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình, các chính sách ưu đãi xã hội”⁷. Những vấn đề xã hội đã được Đảng ta nhận thức và giải quyết toàn diện cả ở góc độ mục tiêu và hệ thống giải pháp trong tổng thể các chính sách phát triển, mà ở đó con người thực sự là trung tâm, là động lực và mục tiêu của phát triển xã hội bền vững.

⁶Đảng Cộng sản Việt Nam. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nxb CTQG, H. 2001, tr.104.

⁷Đảng Cộng sản Việt Nam. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, Nxb CTQG, H.2006, tr.101.

Trong Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Đảng ta tiếp tục *coi trọng việc kết hợp chặt chẽ giữa tăng trưởng kinh tế với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội*; bảo đảm ASXH, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, nhất là đối với người nghèo, đồng bào ở vùng sâu, vùng xa, đặc biệt là trong tình hình kinh tế khó khăn, suy giảm; gắn phát triển kinh tế với phát triển văn hóa, củng cố quốc phòng, an ninh, tăng cường quan hệ đối ngoại, thực hiện tốt hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đồng thời, đổi mới quan hệ phân phối, chính sách tiền lương, thu nhập của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; khắc phục tình trạng bất hợp lý và tác động tiêu cực của quan hệ phân phối, chính sách tiền lương, thu nhập hiện nay. Đặc biệt, trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (bổ sung, phát triển năm 2011) đã tiếp tục khẳng định chủ trương xây dựng và thực hiện một CSXH đúng đắn, công bằng vì con người là động lực mạnh mẽ phát huy mọi năng lực sáng tạo của nhân dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Bảo đảm công bằng, bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ công dân; kết hợp chặt chẽ, hợp lý phát triển kinh tế với phát triển văn hóa, xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách;... Hoàn thiện hệ thống ASXH. Thực hiện tốt chính sách đối với người và gia đình có công với nước. Chú trọng cải thiện điều kiện sống, lao động và học tập của thanh, thiếu niên, giáo dục và bảo vệ trẻ em. Chăm lo đời sống những người già cả, neo đơn, tàn tật, mất sức lao động và trẻ mồ côi. Hạn chế, tiến tới đẩy lùi và giảm tác hại của tệ nạn xã hội. Bảo đảm quy mô hợp lý và chất lượng dân số.

Tóm lại, các CSXH ở Việt Nam được tổ chức và hoạt động thông qua một hệ

thống nhất quán các biện pháp và phương pháp tuân theo những nguyên tắc chung của chủ nghĩa xã hội; nhằm phát huy nhân tố con người Việt Nam; hướng vào đảm bảo sự thống nhất giữa cá nhân và xã hội trên cơ sở những giá trị về quyền con người, đến sự phát triển các quan hệ xã hội; coi trọng chính sách bình đẳng, đoàn kết tương thân tương ái; tôn trọng lợi ích truyền thống văn hóa, ngôn ngữ, tập quán, tín ngưỡng tôn giáo.

2. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

Trong những năm qua, công tác giải quyết việc làm, xóa đói, giảm nghèo, thực hiện chính sách với người và gia đình có công, chính sách ASXH đạt kết quả tích cực: Từ năm 2000-2005, đã tạo việc làm cho 7,5 triệu lao động và trong 5 năm (2006-2011), “đã giải quyết được việc làm cho trên 8 triệu lao động, tỉ lệ thất nghiệp ở thành thị giảm còn dưới 4,5%, tỉ lệ hộ nghèo giảm còn 9,5%. Công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân, bình đẳng giới và tiến bộ của phụ nữ đạt được một số kết quả quan trọng; mức hưởng thụ các dịch vụ y tế của nhân dân tăng lên, đặc biệt với trẻ em, người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số. Chỉ số phát triển con người không ngừng tăng lên; Việt Nam đã hoàn thành phần lớn các Mục tiêu Thiên niên kỷ: Chỉ số phát triển con người tăng từ mức 0,683 (năm 2000) lên 0,733 (năm 2008), xếp thứ 100/177 nước, thuộc nhóm trung bình cao; Hoàn thành 6/8 nhóm Mục tiêu Thiên niên kỷ (MDG) do Liên hợp quốc đặt ra cho các nước đang phát triển đến năm 2015”⁸. Theo, Báo cáo Phát triển con người Việt Nam năm 2011, chỉ số phát triển con người của Việt Nam đã tăng 11,8%. Trong đó, tăng trưởng về thu nhập đóng góp hơn một nửa (55,7%) trong mức tăng chỉ số này, trong khi những cải thiện về tuổi thọ và giáo dục chỉ góp phần tương ứng là 31,8% và 12,6%.

⁸Đảng Cộng sản Việt Nam. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI. Nxb CTQG, H.2011, tr.154.

Tốc độ tăng trưởng kinh tế, nhìn chung, không ngừng được nâng cao: GDP bình quân năm tăng, giai đoạn 1986-1990, GDP tăng 4,4%/năm; giai đoạn 1991-1995, GDP tăng 8,2%/năm; giai đoạn 1996-2000, GDP tăng 7%/năm; giai đoạn 2000-2005, GDP tăng 7,5%/năm; giai đoạn 2006-2011, GDP đạt 7%/năm, tổng vốn đầu tư toàn xã hội gấp 2,5 lần so với giai đoạn 2001 - 2005, đạt 42,9% GDP. Quy mô tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2010 tính theo giá thực tế đạt 101,6 tỉ USD, gấp 3,26 lần so với năm 2000; GDP bình quân đầu người đạt 1.168 USD. Cùng với đó, công tác giáo dục và đào tạo đã đạt một số kết quả bước đầu. Trong vòng 12 năm qua (từ 1998 - 2010), Nhà nước tăng dần đầu tư giáo dục và đào tạo từ mức hơn 13% lên 20% tổng chi ngân sách nhà nước. Bên cạnh đó còn thực hiện chế độ miễn giảm học phí, cấp học bổng chính sách, chính sách tín dụng sinh viên. Việc huy động các nguồn lực xã hội cho giáo dục và đào tạo, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số được quan tâm. Quy mô giáo dục tiếp tục được phát triển. Đến năm 2010, tất cả các tỉnh, thành phố đã đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở.

Đối với công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình đã tạo ra sự chuyển biến tích cực về nhận thức, thái độ, hành vi của người dân về dân số - kế hoạch hóa gia đình. Quy mô gia đình ít con ngày càng được chấp nhận rộng rãi; hiểu biết và thực hành về kế hoạch hóa gia đình được nâng lên rõ rệt. Tỷ lệ sử dụng các biện pháp tránh thai của các cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ tiếp tục tăng, từ 73,9% (năm 2000) tăng lên 76,8% (năm 2005) và 80,3% (năm 2010). Bên cạnh đó, mạng lưới cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình được mở rộng từ trung ương đến địa phương. Ngoài hệ thống y tế công lập còn có hàng chục nghìn cơ sở y tế tư nhân

cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình. Quy mô trung bình của một gia đình Việt Nam đã giảm từ 4,6 người (năm 1999) xuống còn 3,8 người (năm 2009), gia đình hạt nhân chiếm tới 2/3 tổng số gia đình. Quy mô gia đình nhỏ đã góp phần đáng kể vào việc phát triển kinh tế gia đình, tạo điều kiện xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc.

Trong những năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước về ưu đãi xã hội, hệ thống chính sách ưu đãi người có công được xây dựng ngày càng phù hợp hơn với các đối tượng và dần được hoàn thiện. Đến nay, cả nước có trên 8,8 triệu người có công, chiếm 10% dân số, trong đó có 1.146.250 liệt sĩ, trên 3.000 bà Mẹ Việt Nam anh hùng còn sống, trên 780.000 thương binh và người hưởng chính sách như thương binh... Hiện còn trên 1,47 triệu người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi hàng tháng của Nhà nước và mức trợ cấp được điều chỉnh phù hợp trên cơ sở mức tiêu dùng bình quân toàn xã hội và nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Các hoạt động chăm sóc đời sống người có công cũng được duy trì thường xuyên. Hầu hết, người có công và thân nhân của họ đã được hưởng chế độ về chăm sóc sức khỏe, cải thiện nhà ở, ưu đãi trong giáo dục, đào tạo dạy nghề, tạo việc làm... Cùng với đó, phong trào “Đền ơn đáp nghĩa” cũng được phát triển rộng khắp. Chỉ tính riêng từ năm 2007 đến nay, quỹ “Đền ơn đáp nghĩa” cả nước đã vận động được 1.263 tỷ đồng, góp phần quan trọng để xây dựng sửa chữa nhà tình nghĩa cho đối tượng chính sách, ủng hộ gia đình chính sách gặp thiên tai, tặng sổ tiết kiệm tình nghĩa⁹.

Đối với công tác BHXH cũng đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng: Năm 1995 cả nước có khoảng 2,3 triệu người tham gia BHXH bắt buộc thì đến cuối năm 2011, đã có 104,5 nghìn người tham gia

⁹Nguồn. Báo điện tử Dân trí. Hội nghị biểu dương người có công với cách mạng, Thứ Bảy, 07/7/2012.

BHXX tự nguyện và 7,93 triệu người tham gia BHTN. Trong đó, số lao động tham gia BHXX bắt buộc tăng nhanh nhất thuộc khu vực ngoài quốc doanh, ngoài công lập. Bên cạnh đó, trong lĩnh vực BHYT từ 3,79 triệu người tham gia năm 1993 (chiếm 5,4% dân số), đến năm 2011 đã tăng lên 57 triệu người tham gia (chiếm trên 60% dân số). Cùng với việc tăng số người tham gia BHXX thì số thu BHXX cũng tăng nhanh, năm 1996 là 2.309 tỷ đồng và năm 2010 là 61.116 tỷ đồng. Riêng trong năm 2011, số thu BHXX tự nguyện là 240.4 tỷ đồng, số thu BHTN là 5.731 tỷ đồng và số thu BHYT là 29.729 tỷ đồng.

Tuy nhiên, lĩnh vực xã hội vẫn còn nhiều hạn chế, một số mặt yếu kém kéo dài, chậm được khắc phục. Tạo việc làm và giảm nghèo chưa bền vững, tỷ lệ hộ cận nghèo, tái nghèo còn cao. Mức trợ cấp ưu đãi người có công còn thấp. Chất lượng giáo dục và đào tạo chưa đáp ứng yêu cầu phát triển; kết quả phổ cập giáo dục ở nhiều huyện miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn thấp; chất lượng công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe chưa đáp ứng được yêu cầu của nhân dân, nhất là đối với người nghèo, đồng bào vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số; tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng còn cao và giảm chậm; vệ sinh, an toàn thực phẩm chưa được kiểm soát chặt chẽ. Tỷ lệ người tham gia BHXX, BHYT còn thấp. Đời sống của một bộ phận người có công, người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số vẫn còn rất khó khăn, chưa bảo đảm được mức tối thiểu các dịch vụ xã hội cơ bản, nhất là về nhà ở và sử dụng nước sạch. Chênh lệch các chỉ số về ASXH giữa miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số với mức trung bình của cả nước còn lớn.

Những hạn chế, yếu kém nêu trên là do nước ta còn nghèo, hậu quả chiến tranh để lại rất nặng nề, thiên tai xảy ra thường xuyên, gây thiệt hại lớn. Quản lý nhà nước còn nhiều bất cập, chồng chéo. CSXH còn chậm đổi mới so với chính

sách kinh tế. Còn thiếu các giải pháp hữu hiệu để thu hẹp khoảng cách về mức sống và ASXH giữa các vùng, miền. Việc tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật chưa nghiêm, hiệu quả thấp; sự phối hợp giữa các bộ, ngành, địa phương chưa chặt chẽ. Công tác thanh tra, kiểm tra ở nhiều nơi chưa được coi trọng. Nguồn lực thực hiện các CSXH còn hạn hẹp, chủ yếu dựa vào ngân sách nhà nước; chưa động viên, thu hút được nhiều sự tham gia của xã hội và khuyến khích người thụ hưởng chính sách tự vươn lên.

Thực tiễn thực hiện mục tiêu phát triển xã hội trong hơn 20 năm qua, với những nỗ lực, cố gắng không ngừng, tư duy lý luận của Đảng về CSXH đã từng bước được bổ sung, hoàn thiện: Từ chỗ không đặt đúng tầm quan trọng của CSXH trong mối quan hệ tương tác với chính sách kinh tế đã đi đến thống nhất chính sách kinh tế với CSXH; tăng trưởng kinh tế đi đôi với bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước phát hiện. Từ chỗ Nhà nước bao cấp toàn bộ trong việc giải quyết việc làm đã dần dần chuyển trọng tâm sang thiết lập cơ chế, chính sách để các thành phần kinh tế và người lao động đều tham gia tạo việc làm. Từ chỗ không chấp nhận có sự phân hóa giàu - nghèo đã đi đến khuyến khích mọi người làm giàu hợp pháp đi đôi với tích cực xóa đói, giảm nghèo, coi việc một bộ phận dân cư giàu trước là cần thiết cho sự phát triển. Việc gắn kết giữa phát triển kinh tế và giải quyết các vấn đề xã hội có chuyển biến tích cực, đảm bảo quá trình tăng trưởng kinh tế vững chắc, tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững của đất nước.

3. NHỮNG GIẢI PHÁP CƠ BẢN ĐỂ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CSXH TRONG ĐIỀU KIỆN HIỆN NAY

Phát huy những kết quả đã đạt được và để tiếp tục khẳng định bản chất tốt đẹp của chế độ ta, việc quan tâm xây dựng và tổ chức thực hiện tốt các CSXH, coi đây vừa là mục tiêu, vừa là động lực để phát

triển bền vững, ổn định chính trị - xã hội có ý nghĩa vô cùng quan trọng. Chính vì thế, trong giai đoạn 2012 – 2020, Đảng ta chủ trương “Tiếp tục cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho người có công, phấn đấu đến năm 2015 cơ bản bảo đảm gia đình người có công có mức sống bằng hoặc cao hơn mức sống trung bình của dân cư trên địa bàn. Đến năm 2020, cơ bản bảo đảm ASXH toàn dân, bảo đảm mức tối thiểu về thu nhập, giáo dục, y tế, nhà ở, nước sạch và thông tin, truyền thông, góp phần từng bước nâng cao thu nhập, bảo đảm cuộc sống an toàn, bình đẳng và hạnh phúc của nhân dân”¹⁰. Để thực hiện tốt các chủ trương trên, đòi hỏi chúng ta phải thực hiện có hệ thống, đồng bộ nhiều giải pháp khác nhau, trong đó cần tập trung vào các giải pháp cơ bản sau:

Một là, tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo và quản lý của các cấp ủy đảng, chính quyền, phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị, tạo sự đồng thuận của toàn xã hội trong việc thực hiện các chương trình, chính sách đối với người có công và bảo đảm ASXH. Nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cán bộ, đảng viên trong chỉ đạo và thực hiện. Báo cáo kết quả công tác hằng năm của cấp ủy và chính quyền các cấp ở địa phương phải có nội dung về thực hiện chính sách người có công và ASXH.

Hai là, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật, nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, đoàn thể và người dân, xây dựng cơ sở dữ liệu điện tử về chính sách ưu đãi người có công và chính sách ASXH tại mỗi địa phương để người dân có thể truy cập dễ dàng. Tiếp tục phát huy truyền thống uống nước nhớ nguồn, huy động các nguồn lực trong nhân dân, thực hiện xã hội hóa và đẩy mạnh các phong trào đền ơn đáp nghĩa, tương thân tương ái, chăm sóc, giúp đỡ người có công,

người nghèo. Ưu tiên đầu tư, xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển giáo dục, y tế ở các vùng sâu, vùng xa, vùng căn cứ cách mạng trước đây, vùng bị chiến tranh tàn phá và bất lợi về kinh tế.

Ba là, đổi mới quản lý nhà nước đối với lĩnh vực ưu đãi người có công và ASXH. Rà soát, hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách bảo đảm tính hệ thống và đồng bộ, đơn giản và hiệu quả; vừa hỗ trợ, vừa khuyến khích nỗ lực vươn lên của các đối tượng thụ hưởng, khắc phục sự ỷ lại vào Nhà nước. Thống nhất đầu mối quản lý các chương trình, chính sách theo hướng Chính phủ và các bộ, ngành Trung ương chỉ quản lý mục tiêu, hỗ trợ nguồn lực, hướng dẫn thực hiện, tổ chức thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện, phổ biến điển hình; địa phương chịu trách nhiệm quản lý nguồn lực, tổ chức thực hiện. Nâng cao năng lực thực thi chính sách của cấp cơ sở. Hợp lý hóa, hiện đại hóa công tác quản lý, phương thức chi trả; xây dựng cơ sở dữ liệu hộ gia đình, mã số cá nhân và bộ chỉ số ASXH để quản lý, giám sát, đánh giá việc thực hiện chính sách ASXH trong từng thời kỳ. Hằng năm có báo cáo quốc gia về ASXH, trong đó làm rõ kết quả thực hiện CSXH ở các huyện nghèo, vùng núi và vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Bốn là, đẩy mạnh hợp tác quốc tế, tranh thủ nguồn lực, kinh nghiệm của các nước trong việc xây dựng và thực hiện các chính sách ASXH.

Năm là, Nhà nước bảo đảm đủ nguồn lực để thực hiện chính sách người có công, đồng thời quan tâm bố trí ngân sách và đẩy mạnh xã hội hóa huy động nguồn lực cho việc thực hiện chính sách ASXH. Đổi mới việc phân bổ nguồn lực đáp ứng yêu cầu thực hiện mục tiêu của các chính sách ASXH. Phân cấp mạnh cho các địa phương

¹⁰Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa XI: Một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012 – 2020, Ban hành ngày 01/6/2012.

và đề cao trách nhiệm của địa phương trong việc quản lý, sử dụng, lồng ghép các nguồn lực để thực hiện. Hoàn thiện các quy định về việc quản lý và sử dụng các khoản đóng góp tự nguyện của các tổ chức và cá nhân, bảo đảm minh bạch, hiệu quả.

4. KẾT LUẬN

Thực tiễn thực hiện mục tiêu phát triển xã hội trong hơn 20 năm qua, với những nỗ lực, cố gắng không ngừng, tư duy lý luận của Đảng về chính sách xã hội đã từng bước được bổ sung, hoàn thiện. Đời sống của nhân dân không ngừng được chăm lo, nâng cao, góp phần quan trọng vào ổn định chính trị, xã hội. Trong điều

kiện hiện nay, để thực hiện CSXH đúng mục tiêu, đối tượng và hiệu quả, phải có những điều kiện bảo đảm ở mức cần thiết để CSXH đi vào cuộc sống. CSXH đang được Đảng và Nhà nước ta đề ra trong kế hoạch hóa bằng các chương trình, dự án có mục tiêu, hình thành các quỹ xã hội, phát huy vai trò sức mạnh của cộng đồng, của cơ sở và các tổ chức xã hội, phát triển hệ thống sự nghiệp, dịch vụ xã hội, tăng cường lực lượng cán sự xã hội... nhằm mang lại cho nhân dân ta ngày càng có đời sống công bằng, đầy đủ, tốt đẹp hơn để hướng đến thực hiện mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Xuân Vũ (1987). *Tìm hiểu nghị quyết Đại hội VI về chính sách xã hội và nhân tố con người trong sự nghiệp xây dựng CNXH*, Nxb. Tp. Hồ Chí Minh.
2. Hoàng Chí Bảo (1993). *Một số vấn đề về chính sách xã hội ở nước ta hiện nay*, Nxb CTQG, Hà Nội.
3. Lê Sỹ Thắng (1996). *Tư tưởng Hồ Chí Minh về con người và về chính sách xã hội*, Nxb CTQG, Hà Nội.
4. Phạm Xuân Nam (1997). *Đổi mới chính sách xã hội-Luận cứ và giải pháp*, Nxb CTQG, Hà Nội.
5. Bùi Thế Cường (2002). *Chính sách xã hội và công tác xã hội ở Việt Nam tập niên 90*, Nxb KHXH, Hà Nội.
6. Nguyễn Thế Thắng (2005). *Tư tưởng Hồ Chí Minh về chính sách xã hội từ góc nhìn xã hội học*, Nxb Lao động, Hà Nội.
7. Đảng Cộng sản Việt Nam, Ban Chấp hành Trung ương, Ban Chỉ đạo tổng kết lý luận (2005): *Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 20 năm đổi mới (1986-2006)*, Nxb CTQG, Hà Nội.
8. Đinh Xuân Lý (2011). *Đảng cộng sản Việt Nam lãnh đạo thực hiện chính sách xã hội trong 25 năm đổi mới (1986 - 2011)*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
9. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2011). *Một số chính sách an sinh xã hội ở Việt Nam*, Nxb Lao động - Xã hội, Hà Nội.